

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-ST

Ngày: 21/8/2017

*V/v: “Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Liễu
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Hữu Ái và bà Trần Thị Đình Hương
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Đình Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2017/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị E – Sinh năm: 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã Tân Phúc, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V – Sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Bà Phan Thị H – Sinh năm: 1972 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn V1 – Sinh năm: 1957 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã Tân Phúc, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị E trình bày:

Vào cuối năm 2016, bà nhiều lần bán mì tươi cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị H theo phương thức giao hàng bao nhiêu trả tiền bấy nhiêu, giá cả thỏa thuận theo giá thị trường vào thời điểm giao hàng. Trong khoảng thời gian cuối

tháng 11 đến đầu tháng 12 năm 2016, bà nhiều lần bán mì tươi cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị H, cụ thể như sau:

STT	Ngày, tháng, năm	Số lượng (kg)	Đơn giá/kg	Thành tiền (đồng)
1	27/11/2016	8.065	1.330	10.726.000
2	28/11/2016	6.384	1.330	8.490.000
3	29/11/2016	3.866	1.450	5.606.000
4	30/11/2016	5.301	1.370	7.262.000
5	30/11/2016	5.548	1.370	7.600.000
6	01/12/2016	5.244	1.370	7.184.000
7	01/12/2016	6.802	1.370	9.318.000
	Tổng cộng	41.210		56.330.000

Sau khi giao hàng, vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị H có trả cho bà 6.330.000 đồng và còn thiếu số tiền là: 50.000.000 đồng chưa trả. Sau nhiều lần đòi tiền nhưng vợ chồng ông V, bà H vẫn chưa trả. Đến ngày 16/02/2017 (tương ứng ngày 20/01/2017 âm lịch), vợ chồng ông V, bà H có viết giấy ghi nợ, hẹn trong vòng 01 tháng rưỡi, phải trả tiền cho tôi. Tuy nhiên, khi hết thời trên mà ông V và bà H vẫn chưa trả số tiền còn thiếu cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông V, bà H phải trả cho bà số tiền còn thiếu là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông không mua bán mì tươi với vợ chồng bà E (tên thường gọi là Năm V1) và cũng không biết việc mua bán mì tươi giữa vợ ông là bà H với vợ chồng bà Trương Thị E nên ông không biết việc vợ ông có thiếu nợ vợ chồng bà E. Đồng thời ông cũng không biết và không ký giấy ghi nợ ngày 16/02/2017 (tương ứng ngày 20/01/2017 âm lịch) mà nguyên đơn đưa ra làm chứng cứ để khởi kiện vợ chồng ông.

Bị đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà đồng ý theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Trương Thị E về nội dung và quá trình hai bên mua bán cũng như số tiền còn thiếu, tuy nhiên kinh tế gia đình của vợ chồng bà hiện nay gặp khó khăn nên xin trả dần theo tháng, cứ mỗi tháng trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi trả đủ số tiền nêu trên.

Về ý kiến của ông V là chồng của bà cho rằng ông không mua bán mì tươi với vợ chồng bà E và không thiếu nợ gì với vợ chồng bà E là do quá trình mua bán mì tươi này chỉ có bà và bà E trực tiếp mua bán nên chồng bà không biết là đúng. Đối với giấy ghi nợ ngày 16/02/2017 (tương ứng ngày 20/01/2017 âm lịch) mà nguyên đơn đưa ra là do con gái của bà viết nội dung, còn chữ ký và chữ viết họ tên phía dưới là của bà viết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hà Văn V1 trình bày:

Ông không trực tiếp mua bán mì tươi với vợ chồng ông V, bà H nên không biết nội dung cụ thể vì việc mua bán này do vợ ông là bà E và bà H trực tiếp thực hiện. Tuy nhiên, ông có biết giữa vợ ông và bà Phan Thị H có mua bán mì tươi vào cuối năm 2016. Vợ ông có thông báo cho ông biết số tiền mà vợ chồng ông V, bà H còn thiếu vợ chồng ông là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Tuy ông không trực tiếp mua bán nhưng số tiền mua bán mì tươi là tiền chung của vợ chồng, ông thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với các đương sự thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã không tuân thủ quy định của luật tố tụng và không có mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết là đúng quy định.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là: 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:
Nhận thấy nguyên đơn trong vụ án yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua mì tươi còn thiếu trong năm 2016 là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vào cuối năm 2016, nguyên đơn có nhiều lần bán mì tươi cho bị đơn với tổng số tiền 56.330.000 đồng. Sau khi giao hàng, bị đơn đã trả 6.330.000 đồng và còn thiếu số tiền là: 50.000.000đồng nên bà yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn thiếu nên trên, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn là bà Phan Thị H thừa nhận còn thiếu số tiền mua mì tươi như nguyên đơn trình bày và bị đơn đã đồng ý thanh toán cho nguyên đơn nên yêu cầu này của nguyên đơn không cần phải chứng minh nữa. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn V cho rằng ông không mua bán mì tươi với vợ chồng bà E (tên thường gọi là Năm V1) và cũng không biết việc mua bán mì tươi giữa vợ ông là bà H với vợ chồng bà Trương Thị E nên ông không biết việc vợ ông có thiếu nợ vợ chồng bà E. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 7 năm 2017, bà H xác định ông V có biết việc mua bán mì tươi giữa hai bên nhưng không trực tiếp tham gia nên không biết số tiền còn thiếu nêu trên là đúng nhưng thu nhập có được từ việc mua bán mì tươi của bà là để sử dụng chi tiêu và sinh hoạt chung trong gia đình. Như vậy, thu nhập có được từ việc mua bán mì tươi hay nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ việc mua bán mì tươi bị thua lỗ là trách nhiệm chung của vợ chồng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông V và bà H.

Về phương thức thanh toán, bị đơn là bà H cho rằng hiện nay kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả dần, cứ mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc là 50.000.000đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét yêu cầu này của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại khoản 3 Điều 432 Bộ luật dân sự năm 2005, khi các bên không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay khi nhận tài sản. Do đó, khi các bên thỏa thuận mua bán với nhau từ năm 2016 nhưng không thỏa thuận thời điểm thanh toán thì thời hạn thanh toán được tính là ngay khi bên mua nhận tài sản. Sau đó, giữa các bên có viết giấy ghi nợ ngày 16/02/2017, hẹn trong vòng 01 tháng rưỡi, phải trả tiền thì khi hết thời hạn này, bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 50.000.000đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 388, Điều 401, Điều 405, Điều 412, Điều 428, Điều 431, Điều 432, Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị E.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị H phải thanh toán cho bà Trương Thị E số tiền gốc là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

2/ Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng thời gian chưa thi hành án.

3/ Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị H phải chịu 2.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trương Thị E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011404 ngày 24.5.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

5/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSNĐ huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ LIỄU